

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1265 /UBND-TH

Kiên Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2022

V/v tham mưu UBND tỉnh triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

HỎA TỐC

Kính gửi: Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và Công văn số 5032/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 (đính kèm).

Chủ tịch UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND tỉnh triển khai việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo yêu cầu tại Chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng phủ và Công văn số 5032/BKHĐT-TH nêu trên, ***kết quả thực hiện lập thành văn bản hoàn thành trước ngày 29/7/2022.***

Nhận được Công văn này, yêu cầu Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính triển khai thực hiện. */uueo*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện
- LĐVP;
- CVNC;
- Lưu: VT, pxquyet "HT".

CHỦ TỊCH



Thanh

Lâm Minh Thành

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

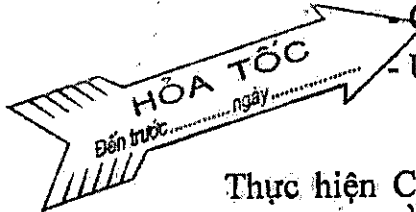
Số: 5032 /BKHD-T-TH

V/v hướng dẫn đánh giá thực hiện
Kế hoạch PTKTXH năm 2022, dự
kiến Kế hoạch PTKTXH năm 2023

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (dưới đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương, địa phương) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, dự kiến kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị nêu trên với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2022

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý.

Nội dung đánh giá cần nêu rõ các công việc đã triển khai, kết quả đạt được 6 tháng và ước cả năm 2022 (đặc biệt nêu rõ những thành tựu nổi bật; phương pháp thực hiện mới;...), khó khăn, hạn chế; phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém; chỉ rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, yếu kém và đề ra bài học kinh nghiệm. Trong đó:

- Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại các kết luận, nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển KTXH năm 2022; tập trung báo cáo các nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 20-KL/TW ngày 16/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, các Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12/11/2021 và số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội, các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022, số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 và chỉ đạo khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2022; đồng thời báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

- Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và năm 2022; chương trình, kế hoạch hành động của địa phương thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022, số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 và các Nghị quyết khác của Chính phủ; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu đã được giao của địa phương.

Một số mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần được tập trung đánh giá tình hình, kết quả thực hiện như:

(1) Việc thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội¹; thực hiện các chính sách, giải pháp để giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; các giải pháp tài khóa, tiền tệ để kích thích tổng cầu, hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, kết nối cung cầu lao động, thúc đẩy xuất khẩu, tiêu dùng nội địa, đẩy mạnh đầu tư.

(2) Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật; chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; hoàn thiện khung khổ pháp lý để phát triển đồng bộ, ổn định, bền vững các loại thị trường, nhất là thị trường vốn, tiền tệ, lao động, khoa học công nghệ, bất động sản,...; hoàn thiện cơ chế, chính sách cho hoạt động của các mô hình kinh doanh, các sản phẩm, dịch vụ áp dụng công nghệ mới, phân cấp cho các địa phương; xây dựng, hoàn thiện và triển khai hệ sinh thái thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và đổi mới sáng tạo. Đánh giá những đóng góp của thể chế vào phát triển KTXH.

(3) Việc đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số; cơ cấu lại đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng và đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển các loại thị trường, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực; phát triển lực lượng doanh nghiệp; thúc đẩy kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; cơ cấu lại các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế.

(4) Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, tăng cường kết nối vùng, liên vùng, khu vực, quốc tế, nhất là các công trình hạ tầng giao thông quan trọng như Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; Dự án xây dựng đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ; Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; một số tuyến đường sắt đô thị ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;... các dự án hạ tầng nền tảng số quốc gia dùng chung, hạ tầng đô thị các khu kinh tế ven biển, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng thương mại.

¹ Chương trình phòng, chống dịch Covid-19, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH,...

(5) Việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo; đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học - công nghệ.

(6) Đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị xanh, đô thị thông minh; thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương.

(7) Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ người lao động, giảm nghèo đa chiều bền vững, bảo trợ xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, chăm lo đời sống người cao tuổi, thực hiện bình đẳng giới; nâng cao năng lực hệ thống y tế, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội; bảo đảm nguồn vắc xin và tổ chức tiêm phòng Covid-19; phục hồi và phát triển thị trường lao động; tổ chức, tham gia các sự kiện thể thao trong nước và quốc tế; công tác dân tộc, tôn giáo.

(8) Công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; xử lý các hành vi vi phạm; xây dựng dự án Luật Đất đai (sửa đổi); triển khai Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, biến đổi khí hậu; thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường.

(9) Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; phòng, chống, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi đôi với xác định vị trí việc làm; thu hút, trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025.

(10) Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

(11) Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; tăng cường ngoại giao kinh tế phục vụ thiết thực cho phục hồi, phát triển KTXH.

(12) Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã đề ra.

(Chi tiết phân công đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của Kế hoạch năm 2022 xin xem tại các Phụ lục kèm theo).

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiến hành đánh giá thêm các nội dung, chỉ tiêu khác phù hợp với tình hình của đơn vị và địa phương.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023

1. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 của cả nước phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực trong thời gian tiếp theo tác động, ảnh hưởng đến phát triển KTXH của đất nước.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ukraine, chính sách phòng chống dịch Covid-19 và thương mại của các đối tác, tình hình giá cả, lạm phát trên thế giới, rủi ro của thị trường bất động sản, tài chính, khả năng kiểm soát dịch Covid-19 trong nước và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KTXH,...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

c) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn.

d) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của năm 2023 bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2023, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương. Trong đó lưu ý:

- Kế thừa và phát huy những kết quả công tác, khí thế thời gian qua; không chủ quan, lơ là tự mãn với kết quả, thành tích đã đạt được. Quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Các mục tiêu, định hướng của kế hoạch năm 2023 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển KTXH 10 năm; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Về việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp đề xuất chỉ tiêu mới không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thì phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động; tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các nghị quyết, quy định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 và 5 năm 2021-2025. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch Covid-19, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Chú trọng kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; thực hiện tốt các đột phá chiến lược; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước. Tích cực hơn nữa trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh bằng thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp; chủ động xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài.

- Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH. Quan tâm hơn nữa đến

công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển KTXH của đất nước. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; lồng ghép các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển KTXH các cấp theo quy định. Cùng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội để phát triển đất nước.

2. Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương bám sát các nội dung tại điểm 1 mục II nêu trên; đảm bảo phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; kế thừa những thành quả đã đạt được, đồng thời đổi mới, tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

- Triển khai các nhiệm vụ theo phân công tại Chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

- Thực hiện các nội dung theo phân công tại các Phụ lục kèm theo, gửi báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và qua thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn trước ngày 31 tháng 7 năm 2022 để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo kế hoạch chung của cả nước.

- Các địa phương gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 của địa phương mình đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2022.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tính, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP), các địa phương sử dụng số liệu công bố của Tổng cục Thống kê; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, ước thực hiện năm là 2022 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì xây dựng chỉ tiêu lạm phát (Chỉ số giá tiêu dùng - CPI) năm 2023 theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010.

3. Các Bộ: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất xây dựng một số cân đối lớn của nền kinh tế năm 2023, như: Cân đối tích lũy - tiêu dùng, Cân đối ngân sách nhà nước, Cân đối xuất, nhập khẩu (hàng hóa), Cân đối năng lượng (điện), Cân đối lương thực (an ninh lương thực) và các cân đối quan trọng khác.

4. Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) biên soạn và công bố số liệu GRDP cho địa phương xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương xây dựng phương án tăng trưởng kinh tế năm 2023, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp, hoàn thiện báo cáo "*Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023*" của cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ để báo cáo các cơ quan của Đảng, Quốc hội.

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nội dung hướng dẫn tại văn bản này và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ nêu trên và gửi Báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư đúng tiến độ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH_{T2}



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/CT-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

CHỈ THỊ
Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

Năm 2022, kinh tế Việt Nam đang hồi phục, chủ yếu nhờ việc triển khai kịp thời quy định “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, các chính sách hỗ trợ, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn; khu vực sản xuất trong nước, các thị trường đối tác lớn của Việt Nam phục hồi tăng trưởng; các doanh nghiệp đẩy mạnh tái cơ cấu, thay đổi mô hình kinh doanh, đa dạng hóa chuỗi cung ứng thích nghi với tình hình mới. Các tổ chức quốc tế đánh giá Việt Nam đang vươn lên mạnh mẽ sau dịch COVID-19.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của của tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhất là ảnh hưởng từ xung đột quân sự Nga và Ukraine; sự phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều rủi ro và chưa vững chắc của kinh tế thế giới như tình trạng thiếu hụt nguồn cung, đứt gãy chuỗi cung ứng, chống cự do thương mại ở một số nơi, lạm phát tiếp tục tăng cao và trở thành vấn đề lớn tại nhiều quốc gia; dịch COVID-19 vẫn còn tiếp diễn và chứa ẩn nhiều rủi ro; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu.

Để kế thừa, phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển KTXH các năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2023-2025 như sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các nghị quyết của Quốc hội¹,

¹ Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021, Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12

Chính phủ², các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2022.

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn, có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021; nêu rõ những kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2022), khó khăn, hạn chế; phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém; chỉ rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, yếu kém và đề ra bài học kinh nghiệm.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

a) Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022; dự báo tình hình trong nước, khu vực, thế giới có ảnh hưởng lớn đến phát triển KTXH của đất nước.

Mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2023 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thể hiện sự quyết liệt, phấn đấu đạt được mục tiêu Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, thực hiện thành công Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phấn đấu đạt được mục tiêu theo chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

Các mục tiêu, định hướng phải nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công.

c) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo

tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 và các Nghị quyết khác.

² Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021, Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 và các Nghị quyết khác.

đổi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

d) Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành (lượng hóa tối đa các kết quả dự kiến hoàn thành, đạt được trong năm 2023 như: số km đường cao tốc, đường ven biển, đường liên vùng,...; số công trình thủy lợi, hồ chứa nước và ngăn mặn; văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh; thủ tục hành chính được rút gọn; biên chế được tin giản; bộ máy được sắp xếp lại; thanh tra, kiểm tra xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;...); cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; cá thể hóa trách nhiệm.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như tác động của dịch COVID-19, xung đột quân sự Nga-Ukraine, biến động giá cả hàng hóa thế giới,... Cụ thể:

a) Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 20-KL/TW ngày 16/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 32/2021/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2022; báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo. Trong đó, tập trung đánh giá một số vấn đề trọng tâm sau:

(1) Thực hiện Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH.

(2) Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật, những đóng góp của thể chế vào phát triển KTXH.

(3) Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển các thị trường lao động, vốn, bất động sản; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

(4) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trong đó tập trung vào các công trình hạ tầng giao thông quan trọng như Dự án xây dựng một số

đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; Dự án xây dựng đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ; Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; một số tuyến đường sắt đô thị ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;... các dự án hạ tầng nền tảng số quốc gia dùng chung; hạ tầng đô thị các khu kinh tế ven biển; hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; hạ tầng thương mại.

(5) Chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.

(6) Phát triển liên kết vùng, khu kinh tế, đô thị, kinh tế đô thị.

(7) Lập, phê duyệt và triển khai các quy hoạch.

(8) Phân bổ, giao kế hoạch và thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công.

(9) Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam; thực hiện các chính sách xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(10) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó làm rõ về xây dựng, hoàn thiện Luật Đất đai (sửa đổi), quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, hồ chứa nước; thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

(11) Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

(12) Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; thông tin, tuyên truyền, dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

b) Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới và xu hướng thúc đẩy thích ứng, mở cửa sau dịch COVID-19, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức. Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước, dịch bệnh ở một số nước còn diễn biến phức tạp.

Trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định; dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; quy định về “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” đã được phát huy; Chương trình phục hồi và phát triển KTXH tiếp tục được triển khai; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,... Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ phải tiếp tục đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế do chưa hoặc chậm được khắc phục,

cũng như các vấn đề về già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, áp lực lạm phát khi nhu cầu trong nước phục hồi,...

Trong bối cảnh đó, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ukraine, chính sách phòng chống dịch COVID-19 và thương mại của các đối tác, rủi ro của thị trường bất động sản, tài chính, khả năng kiểm soát dịch COVID-19 trong nước và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KTXH,...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

c) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2023 bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2023, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương. Trong đó:

- Kế thừa và phát huy những kết quả công tác, khí thế thời gian qua; không chủ quan, tự mãn với thành tích đã đạt được; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lắng nghe người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động; tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các Nghị quyết, quy định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, 5 năm 2021-2025. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Chú trọng kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô

và các cân đối lớn của nền kinh tế; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước. Tích cực hơn nữa trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh bằng thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp; chủ động xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài.

- Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH. Quan tâm hơn nữa đến công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển KTXH của đất nước. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội để phát triển đất nước.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2023-2025

Giai đoạn 2023-2025 quyết định việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch tài chính quốc gia, vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025. Theo đó, mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 là: Đẩy mạnh thực hiện chính sách tài khóa hỗ trợ phục hồi và phát triển KTXH; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, nợ công gắn với phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, góp phần kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch tài chính quốc gia, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025; phân đầu thực hiện cải cách tiền lương và chính sách bảo hiểm xã hội cùng với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương.

Nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 cần tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

I. DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

1. Về dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, diễn biến phục hồi của nền kinh tế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN, đi đôi với nuôi dưỡng nguồn thu. Tập trung phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2022, dự toán thu NSNN năm 2023. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu,

miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các tác động thu ngân sách gắn với thực hiện các nghĩa vụ của Chính phủ đối với các cam kết với nhà đầu tư nước ngoài đã và đang trình cấp thẩm quyền. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân cả nước tăng khoảng 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2. Về dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Phân đầu cân đối nguồn lực để thực hiện việc cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Ưu tiên nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở ở những nơi cần thiết, cấp bách, tăng cường năng lực phòng chống dịch bệnh; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Chủ động rà soát các

chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương (NSTW) năm 2022, các địa phương xây dựng dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2023 trên cơ sở dự toán năm 2022 đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và nhu cầu tăng chi phát sinh để thực hiện các chế độ, chính sách và pháp luật có liên quan. Trên cơ sở dự toán thu NSNN năm 2023, giao Bộ Tài chính xây dựng trình cấp có thẩm quyền phương án chi cân đối NSĐP năm 2023 phù hợp với khả năng cân đối của NSNN để xác định lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa NSTW và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSĐP năm 2023 để áp dụng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách, trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo đúng Nghị quyết số 40/2021/QH15.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2023 bao gồm dự toán chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và dự toán chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, trong đó đề nghị:

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2022; khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Riêng đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2023 và không có khả năng gia hạn.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH: đề xuất bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư thuộc danh mục dự án đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo (văn bản số 450/TTg-KTTH ngày 20 tháng 5 năm 2022 và các văn bản thông báo vốn của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)); mức vốn bố trí cho dự án theo khả năng giải ngân và tiến độ thực hiện dự án.

b) Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) và Kết luận 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận 28-KL/TW), yêu cầu các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu,... trên cơ sở đó, bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

d) Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức chi thường xuyên NSNN năm 2022 (Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg) và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ

chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW; các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

đ) Đối với các cơ quan, đơn vị đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù:

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg và Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2021 về nâng cao hiệu quả thực hiện và đổi mới cơ chế quản lý tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, yêu cầu các cơ quan, đơn vị này báo cáo cụ thể tiến độ, nội dung trình các cấp thẩm quyền về các giải pháp đảm bảo hiệu quả hoạt động khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW; báo cáo số tiết kiệm chi thường xuyên trong các năm 2021-2022; đánh giá đầy đủ nguồn thu - nhiệm vụ chi trong năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo các cấp thẩm quyền cùng thời điểm xây dựng dự toán NSNN.

Thực hiện quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022, giao Bộ Tài chính tổng hợp trong các báo cáo dự toán NSNN năm 2023 trình cấp có thẩm quyền nội dung: Cho phép tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù được cấp có thẩm quyền quy định đối với một số cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước đến thời điểm cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Kể từ thời điểm áp dụng chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, các cơ quan, đơn vị đã trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cơ chế đảm bảo kinh phí hoạt động, thì được bố trí dự toán chi theo cơ chế được phê duyệt; các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022. Đối với dự toán NSNN năm 2023, yêu cầu các cơ quan, đơn vị này tiết kiệm tối thiểu 15% chi thường xuyên NSNN ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023).

e) Không bố trí chi thường xuyên đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản

lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

g) Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền và văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện năm 2022, dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2021-2025 và cơ chế phân cấp thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2023 của từng chương trình chi tiết theo từng bộ, cơ quan trung ương và từng địa phương, kinh phí đầu tư phát triển, thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2023 và tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công.

h) Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

i) Các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho năm 2023 phù hợp với định hướng mục tiêu phát triển và quy hoạch dự trữ quốc gia trong giai đoạn 2021-2025, khả năng cân đối NSNN và dự báo tình hình KTXH, dự kiến nhu cầu cứu trợ, viện trợ, trong đó, tập trung vào các mặt hàng chiến lược, thiết yếu; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

k) Chi viện trợ từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch hợp tác hằng năm, hiệp định hợp tác song phương cả giai đoạn 2021-2025 với các nước nhận vốn viện trợ của Việt Nam (nếu có) và khả năng cân đối NSNN năm 2023, tiến độ triển khai chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ.

l) Về việc cải cách tiền lương và dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công:

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cụ thể khả năng cân đối nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Các bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ tiết kiệm chi thường xuyên, các nguồn thu được để lại và một phần thu sự nghiệp theo quy định. Riêng các cơ quan, đơn vị hành chính ở Trung ương đang áp dụng cơ chế đặc thù, dự kiến Quỹ lương mới theo cơ chế được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc theo quy định tại Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg; đồng thời báo cáo cụ thể các tác động tăng, giảm so với quỹ lương hiện hành và khả năng cân đối từ các nguồn được để lại.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

Các địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách

tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW.

3. Xây dựng dự toán NSDP

Căn cứ vào dự toán chi NSDP năm 2023, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NSTW và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng cho giai đoạn 2023-2025 và số bổ sung cân đối năm 2023 Quốc hội quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung ngân sách cho chính quyền cấp dưới trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để áp dụng từ năm 2023.

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm 1, 2 mục I, phần B của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP các cấp năm 2023 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao và đánh giá những tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2022 trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2023 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do tác động của các yếu tố khách quan về kinh tế chính trị thế giới, khu vực, tình hình biến động giá cả, thị trường, điều hành cung ứng, luân chuyển hàng hóa, sự phục hồi của kinh tế địa phương...

b) Dự toán chi NSDP:

Căn cứ dự toán chi NSDP được Quốc hội quyết định; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2023 của địa phương; các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành theo thẩm quyền; các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH; các địa phương xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; NSDP xác định lại số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 dành để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Đối với chi đầu tư phát triển, phải bố trí đủ vốn theo tiến độ đã cam kết đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và các dự án đường cao tốc được phân cấp quản lý.

c) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Các địa phương dự toán sát nguồn thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả số thu

được phân chia từ hoạt động xổ số điện toán) và tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

d) Đối với bội chi, vay và trả nợ của NSDP:

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2022; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2023-2025

Trên cơ sở các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết: số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW, số 27-NQ/TW, số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, 7 (Khóa XII) về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập, cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 quốc gia và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Nghị quyết 43/2022/QH15; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN:

1. Bộ Tài chính, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp.

Tùy theo điều kiện, đặc điểm và mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển KTXH trên địa bàn, các địa phương xây dựng các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm

2023-2025 về thu ngân sách; mức bội chi, bội thu của NSDP; dự kiến tổng chi NSDP, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên phân cân đối NSDP giai đoạn 2023-2025 phù hợp với khả năng cân đối thu NSDP; trong đó: chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành tới thời điểm dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền thông qua; chi đầu tư phát triển từ thu tiền sử dụng đất và hoạt động xổ số kiến thiết bố trí bằng số thu.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ việc xây dựng Kế hoạch KTXH năm 2023, xây dựng Đề cương báo cáo "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023" của cả nước, phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong tháng 6 năm 2022.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2023, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023" trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2022, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố số liệu cho địa phương xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

Đối với chỉ tiêu GRDP, các địa phương sử dụng số liệu công bố của Tổng cục Thống kê; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê rà soát, ước thực hiện năm là 2022 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

b) Gửi các báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2022.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước gửi báo cáo về kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2023 cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2023-2025

1. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2023, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm

2023-2025 và Kế hoạch đầu tư công (bao gồm kế hoạch đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH) năm 2023 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN hàng năm, Thông tư tổ chức thực hiện dự toán NSNN hàng năm theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

3. Bộ Nội vụ khẩn trương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định biên chế năm 2023 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý trước thời điểm báo cáo Chính phủ về dự toán NSNN năm 2023 theo quy định của Luật NSNN; Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan cùng cấp ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2023 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chỉ thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2023.

Các bộ, cơ quan trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW và Kết luận 28-KL/TW; tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2022, kế hoạch năm 2023 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2024-2025, tổng hợp vào dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2023-2025 theo quy định.

4. Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội phù hợp với điều kiện thực tế, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

a) Các bộ, cơ quan trung ương

- Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi quy định các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ NSNN đảm bảo phù hợp Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Lập dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2023 của bộ, cơ quan trung ương.

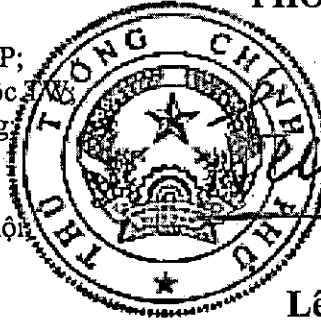
b) Các địa phương hướng dẫn và chỉ đạo việc lập dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2023 của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

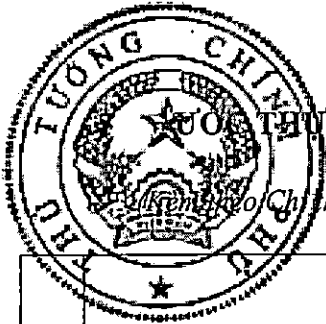
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



Phụ lục
THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2022
VÀ DỰ KIẾN NĂM 2023¹
Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ | NĂM 2022 | | | DỰ KIẾN NĂM 2023 | CƠ QUAN BÁO CÁO |
|-----|--|-------------|-------------------|----------------------|----------|------------------|--------------------------------|
| | | | MỤC TIÊU | ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM | ĐÁNH GIÁ | | |
| 1 | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) | % | 6-6,5 | | | | Bộ KH&ĐT |
| 2 | GDP bình quân đầu người | USD | 3.900 | | | | Bộ KH&ĐT |
| 3 | Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP | % | Khoảng 25,5-25,8 | | | | Bộ KH&ĐT |
| 4 | Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân | % | Khoảng 4 | | | | NHNNVN ² , Bộ KH&ĐT |
| 5 | Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân | % | Khoảng 5,5 | | | | Bộ KH&ĐT |
| 6 | Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội | % | 27,5 | | | | Bộ KH&ĐT |
| 7 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | Khoảng 67 | | | | Bộ LĐTBXH |
| | - Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ | % | Khoảng 27-27,5 | | | | |
| 8 | Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị | % | Dưới 4 | | | | Bộ LĐTBXH |
| 9 | Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) | Điểm % | Giảm khoảng 1-1,5 | | | | Bộ LĐTBXH |
| 10 | Số bác sĩ trên 10.000 dân | Bác sĩ | 9,4 | | | | Bộ YT |
| 11 | Số giường bệnh trên 10.000 dân | Giường bệnh | 29,5 | | | | Bộ YT |
| 12 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | Khoảng 92 | | | | Bộ YT |
| 13 | Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới | % | 73 | | | | Bộ NN&PTNT |
| 14 | Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị | % | Trên 89 | | | | Bộ TN&MT |
| 15 | Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường | % | Khoảng 91 | | | | Bộ KH&ĐT |
| ... | Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung,... ³ | | | | | | |

¹ Theo các Kết luận của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII, Nghị quyết của Quốc hội khóa XV.

² Thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước (khoản 4 Điều 3 và khoản 5 Điều 4) và các quy định pháp luật liên quan.

³ Nêu rõ mục tiêu đề ra và văn bản giao mục tiêu.